

Bản án số: **29** /2022/HS-ST.

Ngày 07 - 9 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TQUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Hoàng Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn H Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TQuang.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQuang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TQuang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L1 số 27/2022/TLST - HS ngày 26 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/10/1961 tại tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Tổ 10, phường M, thành phố T, tỉnh TQuang.

Nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 47-QĐ/UBKT ngày 03/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy TQuang); con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị G (đều đã chết); có vợ Nguyễn Ngọc L và 02 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2021 đến ngày 20/01/2022. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/7/1979 tại tỉnh TQuang.

Nơi cư trú: Tổ 10, phường P, thành phố T, tỉnh TQuang.

Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ Văn phòng Tộc Đảng bộ Công ty

cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 45-QĐ/UBKT ngày 03/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy TQuang); con ông Nguyễn Xuân T (đã chết) và bà Đặng Thị Minh N; có vợ Trần Pc K và 02 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2021 đến ngày 05/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thế D** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/3/1985 tại tỉnh TQuang.

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh TQuang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 16, phường A, thành phố T, tỉnh TQuang.

Nghề nghiệp: Nhân viên xây dựng Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Văn phòng Tộc Đảng bộ Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 42-QĐ/UBKT ngày 03/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy TQuang); con ông Nguyễn Thế T và bà Trịnh Thị H; có vợ Phan Thị N và 01 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

4. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc A** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/01/1983 tại tỉnh TQuang.

Nơi cư trú: Tổ 10, phường M, thành phố T, tỉnh TQuang.

Nghề nghiệp: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Văn phòng Tộc Đảng bộ Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 43-QĐ/UBKT ngày 03/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy TQuang); con ông Nguyễn Viết T (đã chết) và bà Trần Thị Đ; vợ Nguyễn Thị PH T và 02 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

5. Họ và tên: **Phạm Quang V** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/5/1964 tại tỉnh TQuang.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường P, thành phố T, tỉnh TQuang.

Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Vinh P; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ tổ 14, Đảng bộ phường P, thành phố T (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 46-QĐ/UBKT ngày 03/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy

TQuang); con ông Phạm Xuân A và bà Cao Thị N (đều đã chết); vợ Nguyễn Thị T H và 02 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2021 đến ngày 15/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

6. Họ và tên: **Lê Thị T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26/02/1980 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT Tổ 4, phường N, thành phố T, tỉnh TQuang;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 17, phường P, thành phố T, tỉnh TQuang.

Nghề nghiệp: Kế toán Công ty TNHH Xây dựng V P; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Công ty TNHH MTV TYên Tộc Đảng bộ Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh TQuang (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 29 ngày 04/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh); con ông Lê Sỹ N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; chồng Nguyễn Anh Đ (đã ly hôn) và 02 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

7. Họ và tên: **Lê Xuân T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/9/1939 tại tỉnh TQuang.

Nơi cư trú: Tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh TQuang.

Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Tư vấn thiết kế Tân Long; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ tổ dân phố 1, Đảng bộ phường T (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 44-QĐ/UBKT ngày 03/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy TQuang); con ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị M (đều đã chết); có vợ Dương Thị T và 03 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

8. Họ và tên: **Trần Đức Á** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/4/1964 tại tỉnh ThÁ Bình.

Nơi cư trú: Thôn 9, xã Trung Môn, huyện Y, tỉnh TQuang.

Nghề nghiệp: Công nhân Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Đức M và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị LL1 và 02 con.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

* Bị hại:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Số nhà 116, tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh TQuang.
2. Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Tổ 9, phường P, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
3. Chị Đỗ PH H, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Số nhà 104, Tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh TQuang.
4. Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Số nhà 110, tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh TQuang.
5. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Tổ 7, phường P, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
6. Chị Ngô Bích P, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Tổ 8, phường P, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
7. Bà Nguyễn Kim Y, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Tổ 4, phường Hưng Thành, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Tổ 6, phường Tân Hà, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
9. Chị Hoàng Thị Tý N, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Tổ 18, phường P, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
10. Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Tổ 5, phường Tân Hà, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
11. Chị Trần Thị Việt H, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Tổ 13, phường M, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
12. Anh Lê Anh Đức, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Tổ 10, phường T, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.
13. Bà Nguyễn Thị Ngự, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Tổ 12, phường Tân Hà, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

14. Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 Đô thị TQuang;
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Linh N - Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ: Số 89, đường Chiến T Sông Lô, phường T, thành phố T, tỉnh TQuang *(có mặt)*.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Tý N - Kế toán Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 Đô thị TQuang *(có mặt)*;
2. Ông Nguyễn Anh T - Trưởng phòng Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 Đô thị TQuang *(có mặt)*;
Cùng địa chỉ: Số 89, đường Chiến T Sông Lô, phường T, tỉnh TQuang.
3. Ông Chu Thế H, sinh năm 1972 *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*;

Địa chỉ: Tổ 8, phường T, Tp. TQuang, tỉnh TQuang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T là Chủ tịch Hội đồng quản trị (*HDQT*) và đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường và Quản lý đô thị TQuang (*Công ty môi trường đô thị*) do nhà nước nắm cổ phần chi phối 51%, được Ủy ban nhân dân tỉnh TQuang giao đại diện phần vốn của nhà nước tại Công ty theo Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 22/8/2016.

Tuy nhiên, từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2019, Nguyễn Xuân T, Chủ tịch HDQT Công ty môi T đô thị cùng với Nguyễn Ngọc T, Phó Giám đốc Công ty môi T đô thị; Nguyễn Ngọc A, Trưởng phòng Kế hoạch và Nguyễn Thế D, Đội xây dựng Công ty môi T đô thị, đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc đầu tư, thi công, giám sát thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Công ty môi T, đô thị TQuang tại huyện Hàm Yên (*Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên*) không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị.

Phạm Quang V, Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng V P (Công ty V P); Lê Thị T, kế toán của Công ty V P và Lê Xuân T, Giám đốc Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế Tân Long (Công ty Tân Long) mặc dù thực tế không tham gia thi công, giám sát thi công công trình, nhưng do được T và T nhờ nên đã giúp hợp L1 hóa các thủ tục pháp L1, thủ tục thanh toán khối lượng thi công công trình, giám sát thi công công trình, gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị.

Ngoài ra, từ năm 2014 đến năm 2020, với chức trách là Chủ tịch HDQT Công ty môi T đô thị, Trưởng Ban Quản L1 dịch vụ Nghĩa trang Km8, nhưng Nguyễn Xuân T đã thiếu trách nhiệm trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban Quản L1, để cho Nguyễn Ngọc T lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập chứng từ đề nghị thanh toán không một phần tiền Tê nhà của một số người dân để làm nơi tập kết vật liệu xây dựng và kho chứa công cụ lao động phục vụ kinh doanh dịch vụ tại Nghĩa trang Km8, gây thiệt hại cho Công ty môi T đô thị.

Từ tháng 02/2016 đến tháng 3/2021, Trần Đức Á, nhân viên quản trang Nghĩa trang Km8 của Công ty môi T đô thị, đã lạm dụng tín nhiệm tự ý nhận tiền cao hơn mức quy định của một số người dân có nhu cầu xây dựng mộ cát táng cho thân nhân tại Nghĩa trang Km8, nhưng không báo cáo với Công ty để ký hợp đồng và cấp thẻ mộ theo quy định, gây thiệt hại cho Công ty và thiệt hại cho người dân.

Cụ thể như sau:

1. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T và Lê Xuân T trong việc xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên

Ngày 03/7/2017, HĐQT Công ty môi T đô thị ban hành Nghị quyết số 04 về chủ trương đầu tư xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên (địa chỉ tại thôn Cầu Mới, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên) và Quyết định số 102 phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, từ nguồn vốn kinh doanh của Công ty và nguồn vốn hợp pháp khác. Cùng ngày, thay mặt Công ty T ký Quyết định số 101 thành lập Ban Quản L1 dự án đầu tư xây dựng công trình, do Nguyễn Ngọc T, làm Trưởng ban; Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thế D và ông Nguyễn Anh Tuấn, Giám đốc chi nhánh Hàm Yên, làm Thành viên; bà Nguyễn Thúy N, Kế toán trưởng Công ty, làm kế toán Ban Quản L1 (trên thực tế, Ban Quản L1 này không hoạt động, không có quy chế làm việc, không phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; mọi hoạt động liên quan đến đầu tư, thi công xây dựng công trình đều do T chỉ đạo thực hiện).

Ngày 26/7/2018, Công ty môi T đô thị ký Hợp đồng kinh tế số 03 với Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Trúc Lâm Tê tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ Thuật công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, giá trị hợp đồng là 108.531.000 đồng. Sau khi hồ sơ được Sở Xây dựng thẩm định, T đã ký các Quyết định số 118 ngày 04/9/2018 phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ Thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình, với tổng dự toán là 2.595.711.000 đồng, trong đó chi phí xây dựng 2.031.940.000 đồng, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng 198.653.000 đồng và Quyết định số 127 ngày 10/9/2018 phê duyệt kế hoạch đấu thầu xây dựng công trình, với 04 gói thầu (*gói thầu số 01, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu có giá trị 9.019.000 đồng; gói thầu số 02, thi công xây lắp công trình có giá trị 2.281.873.000 đồng; gói thầu số 03, tư vấn giám sát thi công công trình có giá trị 68.579.000 đồng; gói thầu số 04, bảo hiểm công trình có giá trị 2.235.000 đồng*). Các gói thầu số 01, 03, 04 thực hiện chỉ định thầu rút gọn, còn gói thầu số 02 thực hiện đấu thầu rộng rãi.

Nhằm mục đích hưởng lợi nên T lấy L1 do để tiết kiệm chi phí, đảm bảo thời gian thi công và chất lượng công trình, T đã lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái công vụ chỉ đạo D, Ngọc A làm thủ tục đấu thầu, chỉ định thầu để chọn các đơn vị trúng thầu, nhận chỉ định thầu trên danh nghĩa, đồng thời hợp thức hóa hồ sơ, chứng từ, T liệu có liên quan để thanh toán, quyết toán công trình, còn việc thi công công trình sẽ do T trực tiếp chỉ đạo thực hiện (không giao cho đơn vị trúng thầu thi công công trình).

1.1. Về thực hiện gói thầu số 01, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu:

Để hợp thức hóa hồ sơ pháp lý và thủ tục thanh toán đối với gói thầu này, do có quen biết D đã nhờ ông Trần Xuân Công, Giám đốc Công ty TNHH MTV Hướng Đạt (Công ty Hướng Đạt), địa chỉ tổ 1, phường Tân Hà, thành phố T để mượn tư cách pháp nhân của Công ty Hướng Đạt đứng tên danh nghĩa nhận chỉ định thầu và ký hợp đồng với Công ty môi T đô thị về tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên (thực tế Công ty Hướng Đạt không thực hiện các hoạt động tư vấn theo hợp đồng), ông Công đã đồng ý.

Sau đó, D trực tiếp soạn thảo quyết định chỉ định thầu, biên bản tH thảo hợp đồng, hợp đồng tư vấn có giá trị là 9.000.000 đồng và trình cho T ký, rồi D cầm biên bản tH thảo hợp đồng và hợp đồng tư vấn đến cho ông Công ký tên, đóng dấu của Công ty Hướng Đạt để hoàn thiện gói thầu số 01 về tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu công trình. Tuy nhiên, đến nay Công ty môi T đô thị chưa thanh toán số tiền theo hợp đồng cho Công ty Hướng Đạt, mặc dù việc lập không hồ sơ gói thầu thầu số 01 là vi phạm pháp luật nhưng xác định nahf nước và Công ty môi T đô thị chưa bị thiệt hại.

1.2. Về thực hiện gói thầu số 02, thi công xây lắp công trình:

Do có sự quen biết từ trước, T đã trực tiếp nhờ V để Công ty Vinh Phú tham gia đấu thầu thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, nhưng chỉ đứng tên pháp lý trên danh nghĩa, còn việc thi công thực tế sẽ do Công ty môi trường đô thị tự thực hiện và V đã đồng ý; đồng thời T chỉ đạo D và Ngọc A làm các thủ tục để cho Công ty Vinh Phú trúng thầu thi công công trình. Ngọc A nhờ ông Nguyễn Thanh Tùng, Giám đốc Công ty TNHH Hùng Hà (Công ty Hùng Hà và D nhờ ông Hà Đình Thiên, Giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng P Tuấn (Công ty P Tuấn) cùng tham gia đấu thầu gói thầu này. Sau đó, Ngọc A soạn thảo kế hoạch mời thầu, thông báo mời thầu trình cho T ký và đăng tải lên mạng đấu thầu quốc gia; D làm hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, biên bản đóng thầu, biên bản mở thầu, phiếu thu tiền mua hồ sơ mời thầu, phiếu thu tiền bảo lãnh nộp hồ sơ dự thầu, rồi trực tiếp cầm đến 03 Công ty trên lấy chữ ký của giám đốc và kế toán. Đến khi mở thầu công khai, Công ty Hùng Hà và Công ty P Tuấn không tham gia đấu thầu, chỉ còn Công ty V P tham gia và trúng thầu thi công công trình, với giá trị trúng thầu là 2.140.840.000 đồng (chi phí xây lắp 2.068.440.360 đồng; chi phí hạng mục chung 72.395.413 đồng).

Từ tháng 11/2018, T chỉ đạo và giao cho D tiến hành thi công xây dựng công trình và trực tiếp quản lý, mua vật tư, vật liệu, bố trí nhân công, pH tiện, máy móc để tổ chức xây dựng công trình; đến tháng 11/2019 thì công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng (gồm các hạng mục: Nhà làm việc, nhà kho, nhà vệ sinh; nhà để xe ô tô T gom rác, xe máy; xây kè, sân và tường rào, hệ thống thoát nước, bồn trồng cây xanh); trong đó một số hạng mục đã được điều chỉnh bổ sung so với thiết kế ban đầu cho phù hợp, với dự toán bổ sung là 210.957.000 đồng. Quá trình thi công, thực hiện chỉ đạo của T, D chỉ Tê nhân công xây dựng, các hạng mục còn lại D sử dụng công nhân cơ khí, công nhân điện và pH tiện, máy móc của Công ty môi T đô thị thực hiện việc đào, xúc, vận chuyển đất mặt của công trình; đào hố móng xây kè tường rào; đào hố móng nhà làm việc, nhà vệ sinh, nhà kho, bể phốt; lắp đặt xà gồ, lợp mÁ tôn nhà làm việc; làm nhà để xe máy; làm gara để xe ô tô T gom rác; lắp đặt hệ thống điện của công trình (những công nhân của Công ty đô thị tham gia xây dựng công trình chỉ được Công ty trả tiền lương hàng tháng, không được trả tiền nhân công từ kinh phí của công trình, D đã làm thủ tục quyết toán không toàn bộ tiền nhân công do công nhân của Công ty môi T thực hiện vào nguồn kinh phí của công trình) dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị.

Để có kinh phí xây dựng công trình, sau khi báo cáo và được T đồng ý, D đã cùng với V và T lập hồ sơ, chứng từ để Công ty V P đề nghị Công ty môi T đô thị tạm ứng, thanh toán khối lượng thi công công trình (V chỉ đạo T ký giả toàn bộ chữ ký của ông Đào Ngọc Chung, là người bị Công ty V P sử dụng trÁ phép thông tin cá nhân, bổ nhiệm làm cán bộ kỹ Thuật, chỉ huy trưởng công trình); sau đó D cầm hồ sơ về nộp cho Phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán theo quy định (D không nói cho Phòng kế toán bà Nguyễn Thúy N, kế toán trưởng Công ty biết việc Công ty V P không thi công công trình). Sau khi kiểm tra thấy hồ sơ đề nghị tạm ứng, thanh toán tiền thi công công trình của Công ty V P đầy đủ và hợp lệ, bà N đã làm thủ tục trình T ký duyệt và thực hiện chuyển tiền cho Công ty V P theo đúng quy định; tổng cộng Công ty môi T đô thị đã 04 lần chuyển tiền tạm ứng, thanh toán khối lượng công trình cho Công ty V P, với tổng số tiền là 1.993.514.000 đồng (trong đó, theo yêu cầu của D, V và T đã rút tiền mặt đưa cho D 777.000.000 đồng; còn 1.216.514.400 đồng để lại T khoản Công ty V P). D đã sử dụng 577.000.000 đồng để thanh toán tiền mua vật tư, vật liệu xây dựng, Tê nhân công, máy móc, Tê nhà ở, tiền ăn trong quá trình thi công công trình; đồng thời, D yêu cầu Công ty V P thanh toán tiền mua vật tư, vật liệu xây dựng, Tê nhân công và tiền mua hóa đơn hết 856.711.814 đồng (các khoản này đều phải thanh toán bằng chuyển khoản), cụ thể:

- Chi mua vật tư, vật liệu xây dựng, Tê máy móc, trả tiền nhân công xây dựng công trình 1.210.589.400 đồng (D chi 527.116.600 đồng, Công ty V P chi 683.473.314 đồng)

- Công ty V P chuyển khoản trả tiền mua hóa đơn cho các đơn vị đã bán hóa đơn cho D, với số tiền là 173.238.600 đồng: Để có hóa đơn, chứng từ cho Công ty V P hạch toán đúng với giá trị dự toán công trình được duyệt, D đã mua hóa đơn khống của 23 doanh nghiệp, hộ kinh doanh và lấy tên đơn vị mua hàng hóa là Công ty V P, người mua là Trịnh Thị Thủy là cháu của V (V bảo D ghi tên chị Thủy vào hóa đơn, chị Thủy không biết việc này), sau đó D đưa các hóa đơn cho T để làm thủ tục chuyển trả tiền mua hóa đơn cho các đơn vị thụ hưởng. Quá trình điều tra, có 20 doanh nghiệp, hộ kinh doanh thừa nhận đã bán hóa đơn khống cho D.

- D trực tiếp chi trả các khoản tiền liên quan xây dựng công trình, với số tiền là 49.883.500 đồng.

Tổng cộng các khoản mà D và Công ty V P đã chi phí thực tế phục vụ cho việc thi công xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên là 1.433.711.400 đồng, còn lại 559.802.600 đồng (D giữ 200.000.000 đồng, đã báo cáo và được T chỉ đạo khi nào quyết toán công trình thì nộp lại cho Công ty; Công ty V P giữ lại trong T khoản 359.802.586 đồng, để sau này nộp các khoản Tê, phí theo quy định). Tuy nhiên, tại Kết luận định giá T sản số 12/KL-HĐĐGS ngày 15/9/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh TQuang, kết luận: Giá trị mua vật tư, vật liệu và Tê nhân công thực tế thi công xây dựng công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên đã bao gồm tiền Tê GTGT là 1.412.086.500 đồng (thấp hơn số tiền mà D và Công ty V P đã chi thực tế là 21.624.900 đồng; bị cáo T

đã tự nguyện nộp 22.625.000 đồng cho Cơ quan điều tra để trả cho Công ty môi T đô thị, nộp thừa 1.000.000 đồng).

Như vậy, với việc làm trái quy định pháp luật, tự thi công xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên (Gói thầu số 02), các bị cáo T, T, D, Ngọc A, V, T đã gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị số tiền là 1.993.514.000 đồng - 1.412.086.500 đồng = 581.427.500 đồng.

1.3. Về thực hiện gói thầu số 03, tư vấn giám sát thi công công trình:

Khoảng tháng 10/2019, khi công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên đã hoàn thành, thực hiện chỉ đạo của T, T nhờ Lê Xuân T, Giám đốc Công ty Tân Long đứng tên danh nghĩa là đơn vị nhận chỉ định thầu đối với gói thầu này và ký hợp đồng với Công ty môi T đô thị về tư vấn giám sát thi công công trình; T đã đồng ý và thỏa Tận lấy 30% giá trị thanh toán theo hóa đơn. Sau đó, T bảo D trực tiếp lập hồ sơ (Hợp đồng kinh tế với giá trị là 68.579.000 đồng; sổ nhật ký giám sát; sổ nhật ký thi công; các biên bản nghiệm T hạng mục và nghiệm T hoàn thành công trình đưa vào sử dụng), rồi mang đến cho T ký tên, đóng dấu của Công ty Tân Long.

Để hoàn thiện hồ sơ tư vấn, T đã trao đổi và nhờ anh Vũ T Minh, là lao động hợp đồng của Công ty Tân Long đứng tên cán bộ tư vấn giám sát thi công công trình và ký tên vào sổ nhật ký giám sát, sổ nhật ký thi công, các biên bản nghiệm T hạng mục, nghiệm T hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Do không biết việc hợp thức hóa hồ sơ trên, anh Minh đã đồng ý và còn trực tiếp đi đến Công trình Nhà làm việc chi nhánh huyện Hàm Yên để kiểm tra, thấy công trình mới thi công xong, phù hợp với hồ sơ thiết kế, bản vẽ kỹ Tật, nên anh Minh đã ký tên vào hồ sơ, T liệu có liên quan với tư cách là cán bộ tư vấn giám sát của Công ty Tân Long.

Ngày 25/8/2020, Công ty Tân Long xuất hóa đơn GTGT số 0000157 về chi phí giám sát kỹ Tật thi công công trình cho Công ty môi T đô thị, với giá trị là 66.705.000 đồng; Công ty môi T đô thị đã chuyển khoản toàn bộ số tiền trên cho Công ty Tân Long. Sau khi nhận được tiền, Lê Xuân T giữ lại 17.665.000 đồng nói là để nộp Tê và chi phí khác (tương đương với 30% giá trị hóa đơn như đã thỏa Tận); còn lại 49.040.000 đồng đưa cho T. T đã báo cáo việc này với T và được T chỉ đạo giữ tiền lại, khi nào phê duyệt quyết toán công trình thì nộp cho Công ty.

Như vậy, với việc lập không hồ sơ pháp L1, thủ tục thanh toán hợp đồng tư vấn giám sát thi công công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên (Gói thầu số 03), các bị cáo T, T, D, Ngọc A, T đã gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị số tiền **66.705.000** đồng. Quá trình điều tra các bị cáo T, T đã giao nộp toàn bộ số tiền này cho Cơ quan điều tra.

1.4. Về thực hiện gói thầu số 04, bảo hiểm công trình:

Ngày 14/11/2018, Công ty môi T đô thị đã ký hợp đồng với Công ty Bảo hiểm PJICO TQuang về việc mua bảo hiểm đối với công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, với tiền phí bảo hiểm là 2.235.000 đồng theo đúng dự toán đã duyệt; việc ký kết hợp đồng mua bảo hiểm công trình là phù hợp với quy định của pháp luật về thi công xây dựng. Đến ngày 19/11/2018, Công ty môi T đô thị đã

chuyển khoản thanh toán đủ số tiền phí bảo hiểm trên cho Công ty Bảo hiểm PJICO TQuang theo quy định.

Như vậy, thông qua việc Công ty môi T đô thị đầu tư xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T và Lê Xuân T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trÁ công vụ trong việc đấu thầu, thi công công trình (gói thầu số 02) và chỉ định thầu, tư vấn giám sát thi công công trình (gói thầu số 03), gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị tổng số tiền 648.132.500 đồng (trong đó, các bị cáo T, T, D, Ngọc A, V, T đã gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty trong việc tự thi công xây dựng công trình, với số tiền 581.427.500 đồng; các bị cáo T, T, D, Ngọc A, T gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty trong việc tư vấn giám sát thi công công trình, với số tiền 66.705.000 đồng).

2. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nguyễn Ngọc T và Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Nguyễn Xuân T trong việc Tê nhà làm nơi tập kết vật liệu, kho để dụng cụ lao động phục vụ kinh doanh dịch vụ tại Nghĩa trang Km8

2.1 Nguyễn Ngọc T là Phó trưởng phòng kinh doanh (từ năm 2014 đến tháng 6/2017) và Phó giám đốc Công ty môi T đô thị (từ tháng 7/2017), được phân công trực tiếp phụ trách, quản L1 việc thực hiện thi công dịch vụ và làm các thủ tục nghiệm T, thanh toán chi phí tại Nghĩa trang Km8. Từ năm 2014 đến năm 2020, T đã đề xuất với lãnh đạo Công ty ký hợp đồng Tê nhà của ông Nguyễn Văn Hồng, tại thôn 9, xã Trung Môn, huyện Y làm nơi tập kết vật liệu xây dựng, kho để dụng cụ lao động phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ tại Nghĩa trang Km8, với giá 100.000 đồng/01ngày và được lãnh đạo Công ty đồng ý. Nhưng thực tế, T chỉ Tê nhà của ông Hồng từ năm 2015 đến năm 2017, với giá 1.000.000 đồng/01tháng (thấp hơn giá đề nghị với Công ty khoảng 2.000.000 đồng/01 tháng). Sau đó, T tự soạn thảo các hợp đồng Tê nhà theo từng thời điểm (tổng cộng có 28 hợp đồng), rồi ký giả chữ ký của ông Hồng (vì ông Hồng không biết chữ) và trình lãnh đạo Công ty ký (trong đó, 01 hợp đồng Tê nhà trong năm 2014 do ông Lê Đức Minh, Giám đốc Công ty ký và 27 hợp đồng do T ký). Còn trong các năm 2014, 2018, 2019 và 2020, T Tê nhà của một số người khác theo từng thời điểm sử dụng (không Tê thời gian liên tục và không làm hợp đồng Tê nhà), nhưng T vẫn lập không các hợp đồng Tê nhà của ông Hồng, với thời gian Tê liên tục.

Từ năm 2014 đến năm 2020, căn cứ các hợp đồng Tê nhà do T lập, Công ty môi T đô thị đã thanh toán tổng số tiền là 239.800.000 đồng. Theo yêu cầu của kế toán Công ty, T hướng dẫn ông Hồng lập T khoản cá nhân để nhận tiền Tê nhà do Công ty chuyển trả, vì không biết sử dụng thẻ ngân hàng, nên ông Hồng giao thẻ cho T giữ, rồi rút tiền mặt đưa cho ông Hồng (ông Hồng không biết được số tiền thực tế mà Công ty đã chuyển thanh toán tiền Tê nhà). Sau mỗi lần Công ty chuyển tiền vào thẻ ngân hàng, T rút tiền mặt trả đủ tiền Tê nhà cho ông Hồng theo đúng thỏa Tận, tổng cộng số tiền T đã trả trong 03 năm là 31.800.000 đồng (30.000.000 đồng tiền Tê nhà và 1.800.000 đồng tiền sử dụng điện để phục vụ sản xuất, kinh doanh). Ngoài ra, trong các năm 2014, 2018, 2019 và 2020, T còn trả tiền Tê nhà theo từng thời điểm cho một số cá nhân khác theo đúng thỏa Tận, với số tiền là 18.000.000 đồng (trong đó, trả cho ông

Mai Thế Cường, xóm 11, xã Trung Môn 3.000.000 đồng tiền Tê nhà trong năm 2014; trả cho bà Nguyễn Thị Chiêm, thôn 9, xã Trung Môn 12.000.000 đồng tiền Tê nhà trong năm 2018; trả cho bà Phạm Thị Mai, xóm 16, xã Trung Môn 3.000.000 đồng tiền Tê nhà trong năm 2019).

Như vậy, từ năm 2014 đến năm 2020 Công ty môi T đô thị đã chuyển trả tiền Tê nhà đến T khoản của ông Hồng (do T quản L1, sử dụng) tổng số tiền là 239.800.000 đồng, trong đó T chỉ trả tiền Tê nhà thực tế cho 04 ông, bà trên với số tiền là 49.800.000 đồng; còn lại 190.000.000 đồng, T khai đã sử dụng một phần cho cá nhân và một phần chi phí cho các khoản phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ xây mộ tại Nghĩa trang Km8, nhưng không có căn cứ chứng minh. Nên xác định T đã gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị số tiền là 190.000.000 đồng.

2.2 Nguyễn Xuân T với trách nhiệm là Chủ tịch HĐQT Công ty môi T đô thị, đồng thời là Trưởng Ban Quản L1 dịch vụ Nghĩa trang Km8, nhưng T đã thiếu trách nhiệm trong công tác quản L1, không kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban Quản L1, để T lợi dụng lập hợp đồng và đề nghị thanh quyết toán khổng phần lớn số tiền Tê nhà của người dân làm nơi tập kết vật liệu, kho để dụng cụ lao động phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ tại Nghĩa trang Km8 trong một thời gian dài (từ năm 2014 đến năm 2020).

Từ tháng 3/2014 đến hết năm 2020, T đã đại D Công ty môi T đô thị trực tiếp ký 27 hợp đồng Tê nhà với ông Nguyễn Văn Hồng, tại thôn 9, xã Trung Môn, huyện Y (do T trình ký), nhưng T chưa gặp trao đổi với ông Hồng về việc Tê nhà; không kiểm tra giá Tê nhà ghi trong hợp đồng có đúng thực tế không và thời gian Tê nhà trong bao lâu. Sau khi ký hợp đồng Tê nhà, không tổ chức kiểm tra việc tổ chức sử dụng nhà Tê làm nơi tập kết vật tư, vật liệu xây dựng, kho để công cụ lao động phục vụ hoạt động kinh doanh tại Nghĩa trang Km8.

Như vậy, với chức trách, nhiệm vụ được giao, Nguyễn Xuân T đã thiếu trách nhiệm, không kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban Quản L1 dịch vụ Nghĩa trang Km8, để cho Nguyễn Ngọc T lợi dụng, tham mưu cho T ký kết 27 hợp đồng Tê nhà và thanh toán tiền Tê nhà cho ông Nguyễn Văn Hồng không đúng thực tế, gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị số tiền là 190.000.000 đồng.

3. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản của Trần Đức Á, nhân viên quản trang Nghĩa trang Km8 của Công ty môi T đô thị

Trần Đức Á là lao động hợp đồng của Công ty môi T đô thị, từ năm 2002 đến nay được phân công làm nhân viên quản trang tại Nghĩa trang Km8 với nhiệm vụ chôn cất mồ mả, vệ sinh đường vào nghĩa trang, quản L1 và trông coi, đảm bảo an ninh trật tự tại nghĩa trang, hướng dẫn người dân đến nghĩa trang thăm viếng. Theo quy định của Công ty, khi người dân có nhu cầu mua mộ hung táng, thực hiện cải táng và mua mộ cát táng thì phải đến Công ty đăng ký, làm hợp đồng, sau đó Công ty sẽ bố trí vị trí xây dựng mộ, cấp thẻ mộ theo quy định; các khoản chi phí được quy định tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đơn giá dịch vụ Nghĩa trang Km8 của Công ty môi T đô thị (*chi phí xây dựng mộ hung táng là 3.840.000 đồng; cải táng mộ hung táng*

là 4.520.000 đồng; xây dựng mộ cát táng là 7.510.000 đồng). Ngoài ra, Công ty còn quy định T phí cấp thẻ mộ là 33.000 đồng/01 ngôi mộ.

Do tin tưởng Á là nhân viên quản trang, là người của Công ty môi T đô thị nên một số người dân có nhu cầu xây dựng mộ cát táng đã không đến Công ty môi T đô thị để đăng ký, làm hợp đồng theo quy định, mà liên hệ trực tiếp với Á để mua. Mặc dù không có thẩm quyền, nhưng lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của người dân, lợi dụng danh nghĩa là người của Công ty, Á đã đồng ý và nâng giá bán cao hơn quy định để chiếm đoạt tiền chênh lệch; không báo cáo việc này với Công ty. Từ tháng 02/2016 đến tháng 3/2021, Á đã tự ý bán 18 ngôi mộ cát táng cho 12 người và nhận tổng số tiền là 261.500.000 đồng (cải táng mộ hung táng và xây dựng mộ cát táng là 224.523.000 đồng; chi phí phát sinh người dân Tê Á thực hiện là 36.977.000 đồng). Qua đó, Á đã chiếm đoạt của 11 người với số tiền là 88.674.000 đồng (trừ 01 ngôi mộ bán cho 01 người bằng giá quy định); chiếm đoạt của Công ty số tiền cấp 13 thẻ mộ là 429.000 đồng (trừ 05 ngôi mộ đã T hồi, không phải cấp thẻ), cụ thể:

- Ngày 22/02/2016, chị Nguyễn Minh T, trú tại tổ 5, phường T, thành phố T mua 02 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 15.500.000 đồng (cao hơn giá quy định là 480.000 đồng). Năm 2018, gia đình bà T mới sử dụng 01 ngôi mộ, nên khi Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra, xác minh, Á đã trả lại cho chị T 7.750.000 đồng và lấy lại 01 ngôi mộ chưa sử dụng. Á đã chiếm đoạt 240.000 đồng (207.000 đồng của chị T và 33.000 đồng tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty). Chị T không yêu cầu Á trả lại số tiền trên.

- Ngày 13/4/2016, Á bán cho bà Nguyễn Thị H, trú tại tổ 6, phường Tân Hà, thành phố T 02 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 20.000.000 đồng; so với giá quy định, Á đã chiếm đoạt 4.980.000 đồng (4.914.000 đồng của bà H và 66.000 đồng tiền cấp 02 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, bà H còn Tê Á thực hiện việc hạ, lấp mộ, quét vôi ve, với chi phí là 2.000.000 đồng.

- Ngày 24/10/2016, Á đã bán cho chị Ngô Bích P, trú tại tổ 8, phường P, thành phố T 01 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 15.000.000 đồng; so với giá quy định, Á đã chiếm đoạt 7.490.000 đồng (7.457.000 đồng của chị P và 33.000 đồng tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, chị P còn thuê Á thực việc hạ, lấp mộ và thuê bạt che, với chi phí là 1.500.000 đồng.

- Ngày 16/12/2017, Á bán cho chị Hoàng Thị Tý N, trú tại tổ 18, phường P, thành phố T 01 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 12.000.000 đồng; so với giá quy định, Á đã chiếm đoạt 4.490.000 đồng (4.457.000 đồng của chị N và 33.000 đồng tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, chị N còn thuê Á thực việc ốp đá, lát nền xung quanh ngôi mộ, với chi phí là 10.000.000 đồng.

- Năm 2018 (không nhớ thời gian cụ thể), Á bán cho chị Trần Thị Việt Hà, trú tại tổ 13, phường M, thành phố T 01 ngôi mộ cát táng ở lô C, hàng 12, mộ số 3, với số tiền là 11.000.000 đồng; so với giá quy định, Á đã chiếm đoạt 3.490.000 đồng (3.457.000 đồng của chị Hà và 33.000 đồng tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, chị Hà còn thuê Á thực việc hạ lấp mộ, lấp cát, vôi ve khi xây mộ, với chi phí là 2.000.000 đồng.

- Năm 2018 (không nhớ thời gian cụ thể), Á bán cho vợ chồng anh chị Nguyễn Thị Thanh L, Đỗ Trọng Huỳnh, trú tại tổ 5, phường T, thành phố T 01 ngôi mộ cát táng ở lô P, hàng A, mộ số 12, với số tiền là 14.500.000 đồng; so với giá quy định về chi phí cải táng và xây mộ cát táng, Á đã chiếm đoạt 6.970.000 đồng (6.937.000 đồng của vợ chồng chị L và 33.000 đồng tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, vợ chồng chị L còn thuê Á thực việc bốc, san lấp mộ sau cải táng, với chi phí là 5.520.000 đồng.

- Ngày 13/10/2020, bà Nguyễn Minh Tuyên, trú tại tổ 5, phường Tân Hà, thành phố T 04 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 60.000.000 đồng; so với giá quy định, Á chiếm đã chiếm đoạt của bà T29.960.000 đồng. Khi Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra, xác minh và do gia đình bà Tchưa xây dựng 04 ngôi mộ trên, nên Á đã trả lại bà T 60.000.000 đồng và T lại 04 ngôi mộ.

- Năm 2020 (không nhớ thời gian cụ thể), Á bán cho ông Nguyễn Minh D, trú tại tổ 9, phường P, thành phố T 01 ngôi mộ cát táng và Tê Á thực hiện việc hạ lấp mộ, lấp cát, quét vôi ve, với số tiền là 10.000.000 đồng (7.543.000 đồng xây dựng mộ cát táng và 2.457.000 đồng chi phí theo thỏa Tận). So với giá quy định, còn dư 33.000 đồng là số tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty, Á đã chiếm đoạt số tiền này. Ông D không bị thiệt hại gì.

- Ngày 03/4/2020, Á bán cho anh Lê Anh Đức, trú tại tổ 10, phường T, thành phố T 01 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 15.000.000 đồng; so với giá quy định, Á đã chiếm đoạt 7.490.000 đồng (7.457.000 đồng của anh Đức và 33.000 đồng tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, anh Đức còn thuê Á thực việc hạ, lấp mộ, lát nền, với chi phí là 3.000.000 đồng.

- Ngày 16/10/2020, Á bán cho bà Nguyễn Kim Y, trú tại tổ 4, phường Hưng Thành, thành phố T 02 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 28.000.000 đồng; so với giá quy định, Á đã chiếm đoạt 12.980.000 đồng (12.914.000 đồng của bà Y và 66.000 đồng tiền cấp 02 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, bà Y còn thuê Á thực việc hạ, lấp mộ, thuê bạt che, với chi phí là 1.000.000 đồng.

- Tháng 02/2021, Á bán cho chị Lê Thị H, trú tại tổ 5, phường T, thành phố T 01 ngôi mộ cát táng ở lô C, hàng 8, mộ số 1, với số tiền là 10.000.000 đồng; so với giá quy định, Á đã chiếm đoạt 2.490.000 đồng (2.457.000 đồng của chị H và 33.000 đồng tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, chị H còn thuê Á mua chụp đá và thực hiện ốp, lát đá ngôi mộ, với chi phí là 8.000.000 đồng.

- Tháng 3/2021, Á bán cho bà Đỗ PH H, trú tại tổ 5, phường T, thành phố T 01 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 16.000.000 đồng; so với giá quy định, Á đã chiếm đoạt 8.490.000 đồng (8.457.000 đồng của chị H và 33.000 đồng tiền cấp 01 thẻ mộ của Công ty). Ngoài ra, bà H còn thuê Á mua cát và thực hiện việc chôn lấp, quét vôi ve ngôi mộ, với chi phí là 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, trong năm 2018 khi ông Chu Thế Hòa, Giám đốc Công ty TNHH MTV Hòa T, khởi công xây dựng Trung tâm tổ chức sự kiện tiệc cưới ROYAL, địa chỉ tổ 8, phường T, thành phố T đã phát hiện có nhiều bộ hài cốt vô chủ; ông Hòa đã gặp Á xin cấp đất và thuê xây dựng mộ để chôn cất. Á đã dẫn ông Hòa đến khu vực đất hung táng và nói không phải mua đất, mà chỉ trả tiền nhân công đào

đất, xây dựng mộ, với giá trọn gói là 1.500.000 đồng/01 ngôi mộ (về sau Á giảm giá xuống 1.000.000 đồng/01 ngôi mộ). Á đã thực hiện chôn cất 125 bộ hài cốt và nhận của ông Hòa 125.000.000 đồng, nhưng không báo cáo với Công ty môi T đô thị để làm hợp đồng và cấp thẻ mộ theo quy định, gây thiệt hại cho Công ty tiền cấp thẻ 125 ngôi mộ x 33.000 đồng = 4.125.000 đồng.

Như vậy, lợi dụng sự tin tưởng của người 11 người dân có nhu cầu cải táng mộ hung táng và xây dựng mộ cát táng cho thân nhân tại Nghĩa trang Km8, Trần Đức Á đã tự ý bán, nâng giá xây dựng đối với 17 ngôi mộ cát táng để chiếm đoạt số tiền là 88.674.000 đồng (trừ 01 ngôi mộ bán cho ông Nguyễn Minh D bằng giá quy định của Công ty) và chiếm đoạt, gây thiệt hại cho Công ty môi T đô thị số tiền lệ phí cấp 138 thẻ mộ là (429.000 đồng + 4.125.000 đồng) = 4.554.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSTQ-P1 ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo điểm c, khoản 2, Điều 356 và tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo điểm d, khoản 1, Điều 360 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo điểm b, c, khoản 2, Điều 356 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo điểm c, khoản 2, Điều 356 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Xuân T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1, Điều 356 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Đức Á về tội Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c, khoản 2, Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày:

- Bị cáo Nguyễn Xuân T trình bày: Do nhận thức không đúng quy định của pháp luật về việc đầu tư xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên nên bị cáo đã chỉ đạo D và Ngọc A nhờ một số Giám đốc doanh nghiệp quen biết mượn tư cách pháp nhân để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu, chỉ định thầu đối với các gói thầu của công trình, trong đó T trực tiếp nhờ Phạm Quang V – Giám đốc Công ty V P tham gia đấu thầu gói thầu số 2 “thi công xây lắp công trình”, lấy danh nghĩa Công ty V P làm các thủ tục thanh toán, quyết toán công trình hộ Công ty môi T, nếu để thực hiện đấu thầu rộng rãi hoặc để công ty khác trúng thầu thì không được hưởng lợi gì từ việc thi công công trình. Việc bị cáo chỉ đạo để Công ty môi T đô thị tự thi công chỉ có D, Ngọc A, T biết, không được họp bàn trong thành viên HĐQT, Ban giám đốc và không thông báo đến toàn thể Công ty biết. Đối với số tiền 200.000.000đ có được từ việc thi công gói thầu số 02 và 49.040.000đ từ việc ký khống hợp đồng giám sát (hợp thức hóa hợp đồng giám sát) với Công ty Tân Long bị cáo chỉ đạo D và T giữ lại không nộp về công ty.

Bị cáo Nguyễn Thế D trình bày: Sau khi được bị cáo T chỉ đạo, bị cáo và Ngọc A làm các thủ tục đấu thầu để Công ty V P trúng thầu, sau đó bị cáo T chỉ đạo bị cáo trực tiếp thi công công trình, do là nhân viên trong Đội xây dựng của Công ty nên Chủ tịch HĐQT chỉ đạo bị cáo phải làm theo. Việc thi công gói thầu số 02, ngoài Tê nhân công (thợ xây) thực hiện phần xây dựng, các hạng mục khác của công trình theo chỉ đạo của bị cáo T, bị cáo đã sử dụng nhân công và thiết bị máy móc của Công ty môi T

đô thị để thực hiện, các công nhân này chỉ được hưởng lương hàng tháng theo quy định, không được hưởng lương theo giá nhân công thi công xây dựng từ nguồn kinh phí của công trình. Sau đó bị cáo tự tìm mua hóa đơn để hợp thức hóa thanh toán tiền nhân công, vật tư, thuê máy móc... đúng với dự toán được phê duyệt, làm thủ tục tạm ứng tiền chuyển cho kế toán Công ty môi T đô thị trình chủ tịch HĐQT duyệt chi để chuyển trả tiền cho Công ty V P, rồi Công ty V P rút tiền đưa cho bị cáo chi trả tiền nhân công, mua vật tư. Quá trình thi công bị cáo không biết đơn vị nào giám sát, cũng không thấy ai đến giám sát công trình. Số tiền chênh lệch 200.000.000đ rút ra từ việc thi công công trình sau khi đã thanh toán cho Công ty V P vào thời điểm gần cuối năm 2019, bị cáo đã báo cáo cho bị cáo T biết về số tiền này, bị cáo T chỉ đạo bị cáo giữ lại không nộp lại cho Công ty (đến năm 2021 khi Cơ quan điều tra vào cuộc điều tra bị cáo mới giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra). Bị cáo nhận thấy hành vi mua hóa đơn để hợp thức hóa chứng từ thi công, lấy nhân công và thiết bị máy móc của Công ty để thi công công trình nhưng Công ty vẫn phải trả lương cho công nhân, không được trả tiền nhân công từ nguồn kinh phí công trình, sau đó vẫn làm thủ tục thanh toán để Công ty xuất chi thanh toán tiền cho Công ty V P là sai, là vi phạm pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị nhưng do chỉ đạo của bị cáo T nên bị cáo phải thực hiện. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lương khoán hồng của pháp luật.

Bị cáo Phạm Quang V trình bày: Bị cáo chơi thân với bị cáo T từ hơn 15 năm nay, năm 2018 khi bị cáo T nhờ Công ty của bị cáo đứng tên làm đơn vị trúng thầu và thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên (thực tế Công ty bị cáo chỉ đứng tên danh nghĩa đơn vị trúng thầu thi công, còn thi công thực tế bị cáo T chỉ đạo để Công ty môi T đô thị thực hiện), do có mối quan hệ thân thiết và nể nang nên bị cáo nhận lời giúp T và chỉ đạo kế toán Lê Thị T cung cấp hồ sơ pháp lý Công ty của bị cáo và phối hợp với D để cân đối chứng từ chi phù hợp với dự toán công trình. Quá trình thi công từng hạng mục công trình bị cáo D đã làm thủ tục ứng tiền cho Công ty bị cáo rồi Công ty của bị cáo rút tiền đưa cho D chi trả mua sắm vật tư, nhân công... Tổng số tiền Công ty V P đã được Công ty môi T đô thị thanh toán các hạng mục, khối lượng thi công là 1.993.514.000đ, số tiền Công ty V P và D đã chi phí thực tế phục vụ cho việc thi công công trình là 1.433.711.500đ; số tiền còn lại 559.802.600đ, D giữ 200.000.000đ, Công ty của bị cáo giữ lại 359.802.600đ để nộp các khoản Thuế, phí. Tháng 11/2019 công trình được nghiệm T đưa vào sử dụng, song do Công ty của bị cáo nợ Thuế nên không làm được các thủ tục quyết toán công trình cho Công ty môi T đô thị. Đến năm 2021 Cơ quan điều tra đã phát hiện sai phạm, yêu cầu bị cáo nộp lại số tiền trên và T giữ toàn bộ T liệu liên quan. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lương KH hồng.

Bị cáo Lê Xuân T khai tại các bút lục 958, 959; bút lục 972 đến 981 thể hiện: Bị cáo được T - phó giám đốc Công ty môi T đô thị nhờ ký hộ vào hợp đồng tư vấn giám sát thi công công trình để hoàn thiện thủ tục quyết toán công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên; theo thỏa Tận bị cáo đã giữ lại 30% giá trị hợp đồng để nộp Thuế, còn trả lại cho bị cáo T 49.040.000đ, sau đó bị cáo đã xuất hóa đơn cho Công ty môi T đô thị. Quá trình điều tra bị cáo đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số

tiền 17.665.000đ để khắc phục hậu quả, bị cáo nhận thức được hành vi không giám sát thi công công trình mà vẫn ký vào hợp đồng tư vấn giám sát và xuất hóa đơn không để quyết toán là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng lượng KH hồng.

Bị cáo Trần Đức Á trình bày: Bị cáo là nhân viên hợp đồng của Công ty môi T đô thị từ năm 2002, có trách nhiệm là quản trang, vệ sinh, hướng dẫn người dân đến thăm viếng mộ tại Nghĩa trang Km8. Trong quá trình làm việc có rất nhiều người dân biết bị cáo là nhân viên của Công ty môi T đô thị, nhiều người có thân nhân qua đời đến hỏi bị cáo làm thủ tục xin cấp thẻ mộ, vị trí đất để chôn cất hoặc sang cát cho người thân, bị cáo cũng giải thích cho họ biết phải đến Công ty môi T đô thị đăng ký làm hợp đồng và thực hiện theo giá nhà nước quy định, nhưng cũng có một số người tin tưởng, tín nhiệm nhờ bị cáo làm giúp các thủ tục cấp thẻ mộ với Công ty, đồng thời nhờ bị cáo giúp trong việc đào huyệt, lấp đất, xây bao xung quanh mộ hung táng; hoặc bốc mộ, xây mộ cát táng. Lợi dụng vào sự tin tưởng, tín nhiệm của người dân biết bị cáo là người của Công ty, từ năm 2016 đến tháng 3/2021 bị cáo đã chiếm đoạt tiền xây mộ cát táng của 11 người dân số tiền 88.674.000đ mà không báo cho Công ty biết. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Cơ quan điều tra để trả lại cho các bị hại, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, người đại D theo pháp luật của Công ty môi T đô thị: Bà Nguyễn Thị Linh Nhâm trình bày: Về chủ trương đầu tư xây dựng Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên và phê duyệt dự toán công trình có được họp bàn trong thành viên HĐQT, nhưng bà không được phân công làm nhiệm vụ gì và cũng không biết đơn vị nào thi công, thanh quyết toán thế nào bà không nắm được. Đối với việc quản L1 Nghĩa trang Km8 bà cũng không là thành viên Ban quản L1, không được giao nhiệm vụ nên không biết sai phạm của các bị cáo. Về thiệt hại của Công ty do hành vi bị cáo Á gây ra, Công ty đã được Cơ quan điều tra trả lại đầy đủ nên không có ý kiến gì; đối với số tiền các bị cáo gây thiệt hại trong quá trình thi công công trình hiện đang bị tạm giữ và số T sản là các cây CPU máy tính bị T giữ, bà đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho Công ty. Về hành vi của các bị cáo bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại là những người dân bị bị cáo Á chiếm đoạt đều đã được bị cáo hoàn trả đầy đủ, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Đức Á.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T và Lê Xuân T phạm tội: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Bị cáo Trần Đức Á phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Căn cứ: Điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ; từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 04 năm đến 04 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 14/10/2021 đến ngày 20/01/2022. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ: Điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 11/6/2021 đến ngày 05/11/2021. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế D từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm.

- Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm.

- Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Quang V, Lê Thị T.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang V từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 356; điểm b, s, o, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm.

- Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đức Á từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T, Lê Xuân T và Trần Đức Á cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã được hoàn trả đầy đủ số tiền bị cáo Trần Đức Á chiếm đoạt, không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 36.782.776 đồng là tiền hưởng lợi của các Công ty, doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi xuất, bán hóa đơn cho bị cáo Nguyễn Thế D.

- Trả lại cho Công ty môi trường T đô thị số tiền 838.123.586 đồng là tiền các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc T, Lê Xuân T và Công ty V P đã nộp khắc phục hậu quả và 03 cây CPU máy tính.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền 1.000.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Hủy Lệnh phong tỏa T khoản số 09/LPT - CSKT ngày 14/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQuang đối với T khoản của bị cáo Nguyễn Ngọc T.

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 USB do chị Trần Pc Khánh (vợ bị cáo T) giao nộp.

Ngoài ra, Đại D Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và T quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T và Trần Đức Á tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định, định giá, các chứng từ thu chi, giấy biên nhận tiền... và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo Lê Xuân T do tuổi cao, sức khỏe yếu đang nằm điều trị tại bệnh viện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét việc vắng mặt của bị cáo T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bị cáo, xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Trong thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2019, thông qua việc đầu tư xây dựng công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, bị cáo Nguyễn Xuân T - Chủ tịch HĐQT Công ty môi T đô thị vì mục đích vụ lợi, đã có hành vi Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trÁ công vụ, trực tiếp chỉ đạo các bị cáo Nguyễn Ngọc T - Phó Giám đốc Công ty; Nguyễn Ngọc A - Trưởng phòng Kế hoạch và Nguyễn Thế D - cán bộ Đội xây dựng Công ty môi T đô thị thực hiện hợp thức hóa thủ tục pháp Lý về thi công xây dựng công trình (gói thầu số 02) và tư vấn giám sát thi công công trình (gói thầu số 03) trÁ quy định pháp luật. Đồng thời T chỉ đạo D thực hiện tổ chức thi công công trình (không giao cho Công ty V P là đơn vị trúng thầu thực hiện thi công) và làm hợp thức hóa hồ sơ thanh quyết toán công trình. Trong quá trình thi công T còn để cho D sử dụng nhân công, thiết bị máy móc của Công ty môi trường đô thị thi công các hạng mục công trình (trừ thợ xây phải thuê ngoài), nhưng vẫn chỉ đạo D làm thủ tục thanh toán không toàn bộ số tiền nhân công vào nguồn kinh phí xây dựng công trình. Các hành vi trên của các bị cáo đã gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi trường đô thị số tiền 648.132.500 đồng.

Bị cáo Phạm Quang V - Giám đốc Công ty V P và Lê Thị T - kế toán Công ty V P, mặc dù không thực hiện thi công xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, nhưng đã giúp bị cáo T trong việc tham gia đấu thầu thi công công trình, hoàn thiện các hóa đơn, chứng từ xây dựng không đúng thực tế để thanh toán khối lượng công trình, gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị số tiền 581.427.500 đồng.

Bị cáo Lê Xuân T - Giám đốc Công ty Tân Long, không thực hiện việc tư vấn giám sát thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, nhưng đã giúp bị cáo T và D ký hợp thức hóa các thủ tục liên quan đến gói thầu số 03 tư vấn giám sát thi công công trình để thanh quyết toán tiền của gói thầu này, gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị số tiền 66.705.000 đồng.

- Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2020, bị cáo Nguyễn Ngọc T - Phó trưởng phòng kinh doanh Công ty môi trường đô thị từ năm 2014 đến tháng 6/2017 (tháng 7/2017 được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty), đã lợi dụng chức vụ quyền hạn lập hợp đồng, chứng từ đề nghị thanh quyết toán không phân lớn tiền thuê nhà của ông Nguyễn Văn Hồng, trú tại thôn 9, xã Trung Môn, huyện Y để làm nơi tập kết vật tư, vật liệu xây dựng và kho để dụng cụ lao động, chiếm đoạt 190.000.000 đồng gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị.

Bị cáo Nguyễn Xuân T, với trách nhiệm là Chủ tịch HĐQT Công ty môi T đô thị, đồng thời là Trưởng Ban Quản Lý dịch vụ Nghĩa trang Km8, nhưng thiếu trách nhiệm trong công tác quản Lý, không kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban Quản Lý, để T lợi dụng lập hợp đồng và đề nghị thanh quyết toán không phân lớn số tiền thuê nhà của người dân làm nơi tập kết vật liệu,

kho để dụng cụ lao động phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ tại Nghĩa trang Km8 trong một thời gian dài (từ năm 2014 đến năm 2020) gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi trường đô thị số tiền là 190.000.000 đồng.

- Từ năm 2016 đến tháng 03/2021, bị cáo Trần Đức Á là nhân viên quản trang tại Nghĩa trang Km8 của Công ty môi trường đô thị, đã lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của một số người dân, lợi dụng nhiệm vụ được giao và danh nghĩa Công ty, Á đã tự ý nhận tiền của 11 người dân để xây dựng 17 ngôi mộ cát táng với giá cao hơn quy định, chiếm đoạt số tiền chênh lệch là 88.674.000 đồng.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQuang truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T và Lê Xuân T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Bị cáo Trần Đức Á về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; ảnh hưởng đến hoạt động của cán bộ, nhân viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, làm mất uy tín, giảm lòng tin trong nhân dân. Do đó cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn do vậy không bị coi là phạm tội có tổ chức. Vai trò, tính chất, mức độ trong hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Xuân T khi thực hiện hành vi phạm tội là Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại D theo pháp luật của Công ty môi T đô thị TQuang. Bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh TQuang giao là người đại D phần vốn của Nhà nước tại Công ty nhưng đã lợi dụng chức vụ và quyền hạn của mình làm trÁ công vụ nhằm mục đích vụ lợi, chỉ đạo các bị cáo T, D, Ngọc A, V tổ chức thực hiện đấu thầu và thi công công trình không đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ: Công ty môi T đô thị có 51% vốn nhà nước, việc quyết định đầu tư, phê duyệt dự toán xây dựng Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên đã được thông qua trong thành viên HĐQT và báo cáo UBND tỉnh, phải thực hiện đấu thầu rộng rãi theo quy định của pháp luật, việc Công ty môi T đô thị có tổ chức đấu thầu nhưng bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình chỉ đạo cấp dưới làm các thủ tục nhằm mục đích để Công ty V P trúng thầu trên danh nghĩa, còn việc thi công xây lắp công trình sẽ do Công ty môi T thực hiện, sau đó nhờ Công ty V P hoàn thiện các thủ tục thanh quyết toán công trình để rút ra số tiền chênh lệch. Tổng số tiền chi phí xây dựng công trình đã được Công ty môi T đô thị xuất chi thanh toán cho công ty V P là 1.993.514.000đ, sau khi hạch toán chi phí xây dựng thực tế vào công trình là 1.433.711.400đ, còn rút ra được 559.802.600đ, trong đó Công ty V P giữ lại 359.802.600đ để nộp các khoản Thuế, phí theo quy định; còn D giữ 200.000.000đ đã báo cáo T nhưng T chỉ đạo giữ lại không nộp về công ty (số tiền này đã được xuất chi nằm ngoài sự quản L1 của nhà nước và Công ty môi T đô thị). Ngoài

ra, Công ty môi T đô thị không Tê tư vẫn giám sát thi công công trình nhưng để hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình và lấy ra số tiền trong gói thầu tư vấn giám sát, T đã ký hợp đồng tư vấn giám sát với Công ty Tân Long và đã xuất chi thanh toán cho Công ty Tân Long 66.705.000đ, sau khi trừ chi phí theo thỏa Tận 17.665.000đ, Công ty Tân Long đưa T 49.040.000đ và T đã báo cáo T nhưng T chỉ đạo T không nộp số tiền này về Công ty. Như vậy, việc Công ty môi T vừa là chủ đầu tư vừa là đơn vị thi công công trình là không đúng pháp luật, từ đó dẫn đến các sai phạm khác trong quá trình thi công xây dựng công trình không được giám sát dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị. Tại phiên tòa bị cáo trình bày nếu để Công ty khác thi công công trình thì sẽ không được hưởng lợi gì và thực tế sau 01 năm 06 tháng kể từ khi hợp thức hóa hồ sơ thanh toán xong tiền thi công xây lắp công trình cho Công ty V P, tiền tư vấn giám sát công trình cho công ty Tân Long và công trình đã đưa vào sử dụng từ năm 2019 đến khi Cơ quan điều tra vào cuộc tiến hành điều tra tháng 5/2021 số tiền do bị cáo D và T giữ mới được nộp lại cho Cơ quan điều tra; việc bị cáo biết số tiền rút ra từ thi công công trình do D và T giữ nhưng bị cáo không chỉ đạo nộp về Công ty là có mục đích vụ lợi, tuy bị cáo chưa chiếm đoạt cho cá nhân nhưng đã trực tiếp gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị, cho nên việc bị cáo khai trong giai đoạn điều tra muốn làm lợi cho Công ty là không có căn cứ. Ngoài chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty môi T đô thị TQuang, bị cáo T còn là Trưởng Ban quản L1 thực hiện dịch vụ tại Nghĩa trang Km8, có trách nhiệm chính đối với việc ký kết Hợp đồng Tê nhà với ông Nguyễn Văn Hồng, tuy nhiên bị cáo đã buông lỏng việc quản L1, không kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bị cáo T dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị 190.000.000đ, do đó xác định bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T là Phó giám đốc Công ty môi T đô thị TQuang và được phân công làm Trưởng ban Quản L1 dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên. Bị cáo biết rõ hành vi chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Xuân T về việc Công ty môi T đô thị tổ chức thực hiện đấu thầu và tự thi công công trình không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể là lựa chọn Công ty V P là đơn vị trúng thầu thi công công trình; giữ 49.040.000đ có được từ việc lập, thanh toán không gói thầu tư vấn giám sát thi công công trình, không nộp về Công ty môi T đô thị theo sự chỉ đạo của bị cáo T là vi phạm pháp luật, nhưng do bị cáo là cấp dưới trực tiếp, không làm theo chỉ đạo sẽ không có lợi trong quá trình công tác nên bị cáo đã thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo T gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị. Ngoài ra, bị cáo còn là thành viên Ban quản L1 thực hiện dịch vụ tại Nghĩa trang Km8, trực tiếp thi công dịch vụ và làm thủ tục nghiệm T, thanh toán nhưng bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, lợi dụng việc thiếu kiểm tra giám sát của bị cáo T để lập không 28 hợp đồng Tê nhà của ông Nguyễn Văn Hồng gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị. Do đó, xác định bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

- Hành vi của bị cáo Nguyễn Thế D và Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V và Lê Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Thế D là nhân viên Đội xây dựng và Nguyễn Ngọc A là Trưởng phòng Kế hoạch của Công ty môi T đô thị TQuang. Các bị cáo đều biết việc bị cáo T chỉ đạo lựa chọn Công ty V P là đơn vị trúng thầu xây dựng công

trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên nhưng thực chất là Công ty môi T đô thị tự thi công là không đúng quy định pháp luật. Trong thực hiện gói thầu số 02 bị cáo D đã sử dụng công nhân cơ khí, công nhân điện và pH tiện, máy móc của Công ty môi T đô thị để thi công một số hạng mục công việc, số nhân công này được Công ty môi T đô thị trả lương hàng tháng, không được thanh toán tiền nhân công của công trình và hợp lý hóa các hóa đơn, chứng từ để thanh toán tiền nhân công (kể cả phần nhân công mà Công ty đã chi trả lương hàng tháng), khối lượng các hạng mục công trình không đúng quy định; các bị cáo biết hành vi trên là sai nhưng dưới sự chỉ đạo của bị cáo T - là Chủ tịch HĐQT nên các bị cáo phải thực hiện, dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị.

Đối với bị cáo Phạm Quang V là giám đốc và Lê Thị T là kế toán của Công ty V P: Bị cáo V có mối quan hệ quen biết với bị cáo Nguyễn Xuân T, được T nhờ nên V đã cho T sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty V P để Công ty môi T đô thị làm các thủ tục đấu thầu và là đơn vị trúng thầu thi công công trình (gói thầu số 02) Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, nhưng việc thi công công trình do Công ty môi T đô thị trực tiếp thực hiện. Bị cáo V đã giúp cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị TQuang. Bị cáo Lê Thị T, là kế toán của công ty V P, cả T và V đều biết Công ty V P không đủ điều kiện tham gia đấu thầu vì Công ty V P đang nợ Tề và bị Chi cục Tề thành phố T ra Quyết định cưỡng chế nộp Tề bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng nhưng bị cáo T vẫn chuyển hồ sơ pháp lý và hồ sơ năng lực của Công ty V P theo chỉ đạo của V, đồng thời T trực tiếp ký vào các T liệu, giấy tờ của Công ty V P trong việc tham gia dự thầu công trình, T cũng là người trực tiếp ký giả chữ ký của Chỉ huy trưởng công trình tại hồ sơ hoàn công, giúp cho bị cáo V, T trong việc hoàn thiện hồ sơ quyết toán các hạng mục công trình, gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị.

Xét hành vi của bốn bị cáo trên thấy rằng, các bị cáo đều có hành vi giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật. Do đó xác định vai trò của cả bốn bị cáo Nng nhau và đứng thứ ba trong vụ án. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo T có quan hệ lệ Tộc với bị cáo V, khi thực hiện nhiệm vụ làm theo sự chỉ đạo của V nên có vai trò thấp hơn.

- Đối với bị cáo Lê Xuân T - Giám đốc Công ty Tân Long (không thực hiện việc giám sát thi công công trình) đã giúp sức cho bị cáo T, D trong việc ký khống các thủ tục về tư vấn giám sát nhằm hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán đối với công trình xây dựng Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, việc T không thực hiện tư vấn giám sát công trình nhưng vẫn ký khống hợp đồng và xuất hóa đơn để Công ty môi T xuất chi thanh toán 66.705.000đ (của gói thầu số 03) dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị. Mặc dù thiệt hại đối với phần hợp đồng do bị cáo thực hiện không lớn nhưng liên quan đến chất lượng công trình và là một trong các bước để công trình được nghiệm T, quyết toán theo quy định. Do đó xác định bị cáo giữ vai trò thứ tư trong vụ án.

- Đối với bị cáo Trần Đức Á, là nhân viên quản trang tại Nghĩa trang Km8, có nhiệm vụ chôn cất mồ mả, vệ sinh đường vào nghĩa trang, quản L1 và trông coi, hướng dẫn người dân đến thăm viếng, đảm bảo an ninh trật tự tại nghĩa trang. Bị

cáo được nhiều người dân tin tưởng, tín nhiệm nên một số người dân có nhu cầu xây dựng mộ cát táng cho người thân, nhưng không đến đăng ký với Công ty môi T đô thị để làm hợp đồng xây dựng theo quy định mà liên hệ trực tiếp với bị cáo; lợi dụng sự tin tưởng của người dân, lợi dụng nhiệm vụ được giao là quản trang và lợi dụng danh nghĩa Công ty môi T đô thị, bị cáo Á đã chiếm đoạt của 11 người dân số tiền 88.674.000đ và gây thiệt hại cho Công ty môi T đô thị 4.554.000đ, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T và Lê Xuân T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Đức Á phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T, Trần Đức Á đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo T, T, D, V, T, T, Á tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả cho Công ty môi T đô thị TQuang và các bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A có thành tích xuất sắc trong công tác, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo Lê Xuân T khi phạm tội là người trên 70 tuổi; bị cáo được tặng thưởng Bằng khen, Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o và điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Xuân T có 03 anh trai và bố vợ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến các hạng, Huân chương độc lập và nhiều bằng khen, giấy khen; bị cáo Nguyễn Ngọc T có mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bố đẻ được tặng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong và vợ được tặng thưởng nhiều Bằng khen, giấy khen. Bị cáo Nguyễn Thế D có bố vợ được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; có đơn xin cải tạo tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Ngọc A có bố đẻ được tặng thưởng nhiều Huy chương, Bằng khen, giấy chứng nhận tH binh, giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; mẹ đẻ có giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến; anh trai được tặng thưởng nhiều giấy khen, danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Bị cáo Phạm Quang V có chị gái được tặng thưởng nhiều Huy chương, Bằng khen; có vợ được tặng Bằng khen; có bố đẻ là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; có anh trai là bệnh binh; bản thân bị cáo tham gia quân đội trong chiến tranh biên giới phía Bắc. Bị cáo Lê Xuân T có vợ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Bị hại - Công ty môi T đô thị TQuang có đơn xin miễn hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A và đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T, Trần Đức Á. Các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Trần Đức Á. Bị cáo Lê Thị T có đơn xin cải tạo tại địa phương được UBND phường P, thành phố T xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho tất cả các bị cáo.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy để thể hiện sự KH hồng của pháp luật cần xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử các bị cáo T, T, D, Ngọc A, V, T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Đại D Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đảm bảo nghiêm minh, có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T có vai trò quan trọng nhất trong vụ án, là những người lãnh đạo, người đứng đầu Công ty, được giao nhiều trách nhiệm quan trọng trong Công ty, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển phần vốn của Nhà nước, lẽ ra phải gương mẫu chấp hành và làm cho Công ty ngày càng phát triển một cách chính đáng nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trÁ công vụ dẫn đến gây thiệt hại cho Nhà nước và cho Công ty môi T đô thị TQuang. Bị cáo T còn thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, buông lỏng việc kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bị cáo T dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị TQuang. Xét tính chất, mức độ, vai trò hành vi phạm tội của hai bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, như vậy mới thể hiện sự nghiêm minh trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về tham nhũng.

Xét các bị cáo Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A khi thực hiện hành vi phạm tội là người có quan hệ lệ Tộc với bị cáo T (cấp dưới đối với cấp trên) người làm công hưởng lương, chấp hành theo sự chỉ đạo của bị cáo T. Các bị cáo Phạm Quang V, Lê Thị T, Lê Xuân T khi được T, T, D, Ngọc A nhờ đã rất tích cực trong vai trò đồng phạm giúp sức để hoàn thiện các thủ tục đấu thầu, giám sát và thanh quyết toán công trình do Công ty môi T đô thị TQuang làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, xét các bị cáo trên đều có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; có nơi cư trú ổn định rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng; số tiền các bị cáo gây thiệt hại đều đã được khắc phục triệt để, do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ nghiêm.

Đối với bị cáo Trần Đức Á có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; số tiền bị cáo gây thiệt hại và chiếm đoạt đều đã được tự nguyện khắc phục, hoàn trả lại đầy đủ cho các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Xét nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng, căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Vì vậy, để thể hiện sự KH hồng và cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam, xử cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của

Kiểm sát viên cũng đủ tác dụng phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm và răn đe giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo. Tuy nhiên, cần áp dụng hình phạt bổ sung Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định theo quy định tại khoản 4 Điều 356 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân T và Nguyễn Ngọc T.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị cáo Trần Đức Á đã chiếm đoạt của những người dân và gây thiệt hại cho Công ty môi T đô thị, bị cáo đã khắc phục toàn bộ, hoàn trả đầy đủ cho các bị hại. Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử L1 vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Về xử L1 vật chứng: Đối với số tiền hưởng lợi bất chính của các Công ty, doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi xuất, bán hóa đơn cho bị cáo Nguyễn Thế D đã tự nguyện nộp lại. Cụ thể: Chủ hộ kinh doanh Trịnh Thúy Hồng tự nguyện nộp lại 402.000 đồng; Công ty TNHH MTV xây dựng và bảo trì đường bộ 232 nộp lại 202.000 đồng; Công ty cổ phần sinh vật cảnh Điện Xá nộp lại 1.832.600 đồng; Hộ kinh doanh Đoàn Văn An nộp lại 55.800 đồng; Công ty TNHH Tân Phong Vũ nộp lại 2.727.000 đồng; Công ty TNHH P Bình TQuang nộp lại 516.000 đồng; Công ty TNHH tư vấn đầu tư và phát triển KH địa chất nộp lại 2.800.000 đồng; Công ty TNHH MTV TH mại Hải T nộp lại 11.589.000 đồng; Hợp tác xã vận tải khai thác và sản xuất vật liệu số 2 nộp lại 1.905.000 đồng; Công ty cổ phần Đầu tư và Công trình T Phát nộp lại 13.260.000 đồng; Hộ kinh doanh Trịnh Ngọc Quang nộp lại 576.000 đồng; hộ kinh doanh Nguyễn Thị Bích H nộp lại 916.000 đồng. Tổng số tiền các hộ kinh doanh và các Công ty nộp lại là 36.782.776 đồng. Xét thấy đây là số tiền mà các Công ty, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hưởng lợi từ việc bán hóa đơn nên cần tịch T để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 838.132.586 đồng, các bị cáo gây thiệt hại cho nhà nước và Công ty môi T đô thị TQuang. Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại để khắc phục hậu quả cho nhà nước và Công ty môi T đô thị TQuang, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Xuân T nộp 22.625.000 đồng (nộp thừa 1.000.000đ), Nguyễn Ngọc T nộp 239.040.000 đồng, Nguyễn Thế D nộp 200.000.000 đồng, Phạm Quang V và Lê Thị T nộp 359.802.586 đồng, Lê Xuân T nộp 17.665.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo đã nộp là 839.132.586 đồng. Đối với các vật chứng là 03 cây CPU máy vi tính T giữ của Công ty môi T đô thị TQuang. Xét thấy, số tiền và số cây máy tính trên là T sản hợp pháp cần trả lại cho Công ty môi T đô thị TQuang.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Xuân T (nộp thừa) cần trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 USB do chị Trần Pc Khánh (vợ bị cáo T) giao nộp.

- Về biện pháp tư pháp: Đối với Lệnh phong tỏa T khoản ngân hàng của bị cáo Nguyễn Ngọc T, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần Hủy Lệnh phong tỏa T khoản số 09/LPT – CSKT ngày 14/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQuang.

[8] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận.

[9] Đối với số tiền 58.604.000 đồng bị cáo Trần Đức Á phải bồi thường cho Công ty môi T đô thị và người dân. Trong quá trình điều tra, bị cáo Á đã nộp toàn bộ số tiền trên, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử L1 trả lại cho các bị hại. Các bị hại không có yêu cầu hay đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Tộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQuang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQuang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Đối với bị cáo Trần Đức Á, cùng với việc lợi dụng sự tin tưởng của người dân, lợi dụng nhiệm vụ được giao là quản trang Nghĩa trang Km8 và danh nghĩa của Công ty môi T đô thị đã chiếm đoạt của 11 người dân có nhu cầu xây dựng 17 ngôi mộ cát táng, với số tiền là 88.674.000 đồng. Từ tháng 02/2016 đến tháng 3/2021, bị cáo còn lợi dụng là nhân viên quản trang, làm trÁ quy định của Công ty trong việc T phí cấp thẻ đối với 138 ngôi mộ (13 mộ cát táng, 125 mộ hung táng), tự ý T 4.554.000 đồng của người dân (theo quy định phí cấp thẻ mộ là 33.000 đồng/01 ngôi mộ, người dân phải nộp trực tiếp tại Công ty; bị cáo Á không được giao nhiệm vụ T bất kỳ khoản phí nào), nhưng vì vụ lợi cá nhân, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này và không báo cáo với Công ty để cấp thẻ mộ theo quy định. Tuy nhiên, do số tiền bị cáo Á vụ lợi, chiếm đoạt, gây thiệt hại cho Công ty chưa đủ định lượng cấu thành thành tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự.

- Là Trưởng phòng Kế hoạch, Phó giám đốc Công ty môi T đô thị và là thành viên Ban Quản L1 dịch vụ Nghĩa trang Km8, được phân công trực tiếp phụ trách, quản L1 việc thực hiện dịch vụ tại Nghĩa trang Km8, nhưng bị cáo T đã buông lỏng quản L1, thiếu kiểm tra, giám sát trong thời gian dài (từ tháng 03/2016 đến tháng 02/2021), để cho bị cáo Trần Đức Á (nhân viên quản trang) lợi dụng sự tin tưởng của 11 người dân, lợi dụng nhiệm vụ được giao là quản trang nghĩa trang Km8 và danh nghĩa Công ty môi T đô thị, tự ý nhận và nâng giá xây dựng 17 ngôi mộ cát táng, chiếm đoạt số tiền 88.674.000 đồng; làm trÁ quy định của Công ty để vụ lợi cá nhân, gây thiệt cho Công ty 4.554.000 đồng tiền phí cấp 138 thẻ mộ. Việc buông lỏng quản L1, thiếu kiểm tra, giám sát của bị cáo T là hành vi thiếu trách nhiệm, nhưng do số tiền bị cáo Á chiếm đoạt, vụ lợi, gây thất thoát cho Công ty chưa đến 100.000.000 đồng, nên không cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bà Nguyễn Thúy N, kế toán trưởng Công ty môi T đô thị và là kế toán của Ban Quản L1 dự án công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, nhưng trên thực tế việc thành lập Ban Quản L1 dự án chỉ là hình thức, vì không ban hành quy chế hoạt động, không phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Hơn nữa, bà N

không được ai trao đổi, chỉ đạo gì và cũng không được tham gia đóng thầu, mở thầu, chấm thầu (những việc này đều do các bị cáo Ngọc A và D thực hiện), nên khi bị cáo D đưa các biên bản liên quan đến đấu thầu, bà N đã ký tên với danh nghĩa là thành viên Ban Quản L1 dự án và chỉ biết đơn vị trúng thầu thi công công trình là Công ty V P; quá trình thi công, bà N không được đến công trình lần nào. Vì vậy, khi Công ty V P đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng công trình (hồ sơ đề nghị đều do bị cáo D đưa), bà N đã tiến hành kiểm tra các T liệu, chứng từ liên quan và khi thấy đầy đủ, hợp lệ mới làm thủ tục trình cho bị cáo T ký duyệt, rồi thực hiện chuyển tiền cho Công ty V P theo quy định. Bà N không được hưởng lợi gì.

Tương tự như trên, việc Công ty môi T đô thị chỉ định thầu và ký hợp đồng với Công ty Tân Long về tư vấn giám sát kỹ Thuật thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, đều do các bị cáo T và D thực hiện, bà N không được tham gia thảo, ký kết hợp đồng và cũng không được ai trao đổi gì. Căn cứ hồ sơ, bà N chỉ biết Công ty Tân Long là đơn vị được chỉ định thực hiện việc tư vấn giám sát kỹ Thuật thi công công trình, nên khi bị cáo D đưa thủ tục thanh toán, bà N đã kiểm tra và làm thủ tục thanh toán, trình cho bị cáo T ký duyệt, rồi chuyển đầy đủ số tiền theo hợp đồng cho Công ty Tân Long. Bà N không được hưởng lợi gì.

Mặc dù không có dấu hiệu đồng phạm về lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, nhưng việc làm trên của bà N cũng đã gián tiếp gây thiệt hại cho Công ty môi T đô thị. Tuy nhiên, do bà N không được phân công nhiệm vụ, không được ai chỉ đạo, trao đổi gì về việc thi công xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên; với trách nhiệm là Kế toán trưởng của Công ty, khi nhận được hồ sơ đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng thi công công trình, bà N đã kiểm tra và làm thủ tục trình ký duyệt thanh toán, rồi chuyển tiền theo đúng quy định. Nên không đủ căn cứ chứng minh bà N đồng phạm với các bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 356, hoặc tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Đối với ông Nguyễn Anh Tuấn, Giám đốc chi nhánh Công ty môi T đô thị TQuang tại huyện Hàm Yên, mặc dù có tên là thành viên Ban Quản L1 dự án thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, nhưng ông Tuấn không được phân công nhiệm vụ, không được ai chỉ đạo, trao đổi gì liên quan đến việc đấu thầu, thi công xây dựng công trình. Mọi hoạt động tại công trình đều do bị cáo D quản L1, điều hành và thực hiện, ông Tuấn không được tham gia công việc gì, kể cả việc tạm ứng, thanh toán khối lượng thi công công trình. Nên không có dấu hiệu đồng phạm về Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 356 và không đủ yếu tố cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Đối với Vũ T Minh, là cán bộ tư vấn giám sát của Công ty Tân Long, được bị cáo T trao đổi, nhờ đứng tên trong hồ sơ tư vấn giám sát thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên (công trình do Công ty môi T đô thị làm chủ đầu tư). Sau khi trực tiếp đi kiểm tra, ông Minh thấy công trình đã thi công xong, chất lượng thi công tốt, phù hợp với hồ sơ thiết kế nên đã ký vào hồ sơ hoàn công với tư

cách là cán bộ tư vấn giám sát thi công công trình (ông Minh không biết hợp đồng tư vấn giám sát giữa Công ty Tân Long với Công ty môi T đô thị TQuang là hợp đồng ký khống). Ngoài ra, việc làm trên của ông Minh không phải là nguyên nhân trực tiếp và quyết định đến việc gây thiệt hại cho Công ty môi T đô thị, do đó không đủ yếu tố cấu thành tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự (hành vi của ông Minh là vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, nhưng đã diễn ra từ tháng 10/2019, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính).

- Đối với ông Nguyễn Thanh Tùng, Giám đốc và ông Trần Ngọc Quý, cán bộ kỹ Thuật Công ty Hùng Hà: Việc ông Tùng đồng ý cho bị cáo Ngọc A sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty để làm thủ tục tham gia đấu thầu thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, là vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu, nhưng đây không phải là nguyên nhân trực tiếp, quyết định đến việc gây thiệt hại cho Công ty môi T đô thị, nên hành vi của ông Tùng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, với vai trò đồng phạm (hành vi này là vi phạm hành chính về đấu thầu, nhưng do đã xảy ra từ tháng 8/2018 nên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính). Còn việc ông Quý có tên trong một số T liệu, giấy tờ liên quan đến hồ sơ đấu thầu thi công công trình của Công ty Hùng Hà, nhưng ông Quý không biết và không được ký vào bất kỳ giấy tờ, T liệu nào (theo Kết luận giám định thì chữ ký trong các T liệu, giấy tờ liên quan không phải do ông Quý ký), nên không có căn cứ chứng minh ông Quý biết và ký khống vào các T liệu này.

- Đối với ông Hà Đình Thiên, Giám đốc và bà Đoàn Thị Hồng N, kế toán Công ty P Tuấn: Việc ông Thiên đồng ý với em trai là Hà Ngọc Tân để cho bị cáo D sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty làm thủ tục tham gia đấu thầu thi công Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên; đồng thời, ông Thiên còn chỉ đạo bà N ký tên vào các T liệu, giấy tờ liên quan đến việc tham gia đấu thầu thi công công trình, nhưng đây cũng không phải là nguyên nhân trực tiếp, quyết định đến việc gây thiệt hại cho Công ty môi T đô thị, nên hành vi của ông Thiên và bà N không đủ yếu tố cấu thành tội phạm lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, với vai trò đồng phạm (hành vi này là vi phạm hành chính về đấu thầu, nhưng do đã xảy ra từ tháng 8/2018 nên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính).

- Đối với ông Lê Đức Minh, thời điểm tháng 01, 02/2014 là Giám đốc Công ty Công ty TNHH MTV Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (chưa cổ phần hóa), đã ký Hợp đồng kinh tế số 26 ngày 01/01/2014 (do bị cáo T trình) về việc Tê nhà của ông Nguyễn Văn Hồng làm nơi tập kết vật liệu xây dựng, kho để công cụ lao động phục vụ hoạt động kinh doanh tại Nghĩa trang Km8, với đơn giá 100.000 đồng/01 ngày. Số ngày Tê nhà xác định trong hợp đồng là 24 ngày, thành tiền là 2.400.000 đồng; Công ty đã thanh toán cho ông Hồng (thời điểm này T chưa Tê nhà của ông Hồng). Việc làm trên của ông Minh có dấu hiệu thiếu trách nhiệm, tuy nhiên số tiền Tê nhà do ông Minh ký duyệt thanh toán là 2.400.000 đồng, chưa gây hậu quả nghiêm trọng nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Đối với 20 công ty, doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã xuất, bán trÁ phép hóa đơn cho bị cáo D (số lượng hóa đơn xuất bán đều dưới mười tờ hóa đơn; số tiền hưởng lợi bất chính ít hơn 30.000.000 đồng), nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trÁ phép hóa đơn, quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự (hành vi trên của các công ty, doanh nghiệp, hộ kinh doanh là vi phạm hành chính về quản L1, sử dụng hóa đơn, nhưng do hành vi đã diễn ra từ năm 2018 và 2019, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính).

- Đối với ông Đào Ngọc Chung, trú tại tổ 12, phường A, thành phố T, là người được Công ty V P đưa tên trong hồ sơ xây dựng Công trình Nhà làm việc chi nhánh Hàm Yên, với tư cách là cán bộ kỹ Tật, chỉ huy trưởng công trình. Nhưng thực tế ông Chung không có hợp đồng lao động với Công ty V P và hoàn toàn không biết việc mình được cho đứng tên làm cán bộ kỹ Tật, chỉ huy trưởng thi công công trình này (ông Chung không được tham gia vào bất kỳ hoạt động nào liên quan đến việc thi công công trình và cũng không được ký T liệu nào trong hồ sơ công trình); toàn bộ chữ ký mang tên ông Chung trong hồ sơ, T liệu của công trình đều do V chỉ đạo T ký giả. Vì vậy, không đề cập xem xét, xử L1.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo phần liên quan) được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tbỏ: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm hai tội: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T và Lê Xuân T phạm tội: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Bị cáo Trần Đức Á phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản.

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ: Điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ; **06** (sáu) tháng tù về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là **04** (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 14/10/2021 đến ngày 20/01/2022.

Cấm bị cáo Nguyễn Xuân T đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.2. Căn cứ: Điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T **02** (hai) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 11/6/2021 đến ngày 05/11/2021.

Cấm bị cáo Nguyễn Ngọc T đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.3. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế D **02** (hai) năm **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm (07/9/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thế D cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh TQuang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

1.4. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A **02** (hai) năm **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm (07/9/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc A cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố T, tỉnh TQuang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

1.5. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Quang V và Lê Thị T:

- Xử phạt bị cáo Phạm Quang V **02** (hai) năm **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm (07/9/2022).

- Xử phạt bị cáo Lê Thị T **02** (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **04** (bốn) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm (07/9/2022).

Giao bị cáo Phạm Quang V, Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh TQuang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

1.5. Căn cứ: Khoản 1 Điều 356; điểm b, s, o, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T **01** (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **02** (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm (07/9/2022).

Giao bị cáo Lê Xuân T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh TQuang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

1.6. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Đức Á **02** (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **04** (bốn) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tán sơ thẩm (07/9/2022).

Giao bị cáo Trần Đức Á cho Ủy ban nhân dân xã Trung Môn, huyện Y, tỉnh TQuang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu các bị cáo Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T, Lê Xuân T và Trần Đức Á cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. T hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt tù của bản án mới theo quy định.

T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử L1 vật chứng và biện pháp tư pháp:

2.1. Về xử L1 vật chứng:

- Tịch T sung ngân sách nhà nước số tiền 36.782.776 đồng (*Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng*).

- Trả lại cho Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang (do bà Nguyễn Thị Linh Nhâm chức vụ Giám đốc - là người đại D theo pháp luật được nhận và có quyền yêu cầu thi hành án) số tiền 838.132.586 đồng (*Tám trăm ba mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng*).

- Trả lại cho Công ty cổ phần Dịch vụ môi T và Quản L1 đô thị TQuang 01 cây (CPU) máy tính vỏ màu đen in chữ SAMSUNG LUXE; 01 cây (CPU) máy tính vỏ màu đen in chữ GOLDEN (máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ Tật bên trong), được dán Giấy niêm phong tại các vị trí kết nối thiết bị ngoại vi và 01 thùng giấy cattong được dán niêm phong tại các vị trí đóng mở thùng, mặt trước ghi: 01 cây (CPU) máy tính vỏ màu đen, bị mất một bên nắp đậy.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền trên đã có Quyết định về việc chuyển tiền từ T khoản tạm giữ chờ xử L1 của Sở T chính vào T khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQuang theo Quyết định số 211/QĐ-STC ngày 22/8/2022 của Sở T chính tỉnh TQuang. Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQuang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQuang lập ngày 10/8/2022).

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 USB do chị Trần Pc Khánh (vợ bị cáo T) nộp.

2.2. Biện pháp tư pháp:

Hủy Lệnh phong tỏa T khoản số 09/LPT - CSKT ngày 14/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TQuang đối với T khoản số 100005381007 tại Ngân hàng TH mại cổ phần Công tH Việt Nam - Chi nhánh TQuang mang tên Nguyễn Ngọc T.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản L1 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thế D, Nguyễn Ngọc A, Phạm Quang V, Lê Thị T, Lê Xuân T, Trần Đức Á mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo phần liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tán. Bị cáo Lê Xuân T và các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cục THADS tỉnh TQuang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh TQuang;
- UBKT Thành ủy TQ;
- UBKT ĐUK các CQ&DN tỉnh;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú (Thông báo);
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu HS;
- Văn phòng TAND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Sơn

